

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP KỲ THI THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
I. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG							
1	21Q30191701	Hoàng Thị Lan Anh	04.03.2003	ĐD11.01	8.5	7.5	
2	23Q301110102	Mai Lan Anh	28.03.2005	ĐD11.01	7.5	7.5	
3	23Q301110103	Nguyễn Quỳnh Anh	20.12.2005	ĐD11.01	5.0	6.5	
4	23Q301110104	Trần Văn Anh	19.05.2005	ĐD11.01	6.0	7.0	
5	23Q301110105	Trần Thị Ngọc Ánh	28.10.2005	ĐD11.01	8.0	7.5	
6	23Q301110107	Trần Thu Cúc	01.10.2003	ĐD11.01	7.0	7.0	
7	23Q301110108	Đặng Mạnh Cường	20.03.2005	ĐD11.01	6.5	7.5	
8	23Q301110114	Trần Thị Hà	28.01.2004	ĐD11.01	7.0	8.5	
9	23Q301110115	Phạm Thị Thanh Hào	18.01.2005	ĐD11.01	6.0	9.0	
10	23Q301110117	Nguyễn Khánh Huyền	16.04.2005	ĐD11.01	6.0	6.0	
11	23Q301110118	Phạm Văn Khánh	13.09.2003	ĐD11.01	5.5	7.0	
12	23Q301110120	Lê Phạm Phương Linh	31.10.2005	ĐD11.01	6.5	6.5	
13	23Q301110122	Nguyễn Khánh Ly	13.09.2005	ĐD11.01	7.5	8.5	
14	23Q301110123	Bùi Thị Ngọc Mai	23.07.2005	ĐD11.01	7.0	8.5	
15	23Q301110124	Hoàng Ngọc Minh	14.01.2005	ĐD11.01	7.5	8.5	
16	23Q301110125	Nguyễn Thị Trà My	18.06.2005	ĐD11.01	6.5	8.0	
17	23Q301110126	Nguyễn Thị Ngoan	20.06.2005	ĐD11.01	7.0	7.0	
18	23Q301110127	Nguyễn Thị Yến Nhi	31.03.2005	ĐD11.01	6.0	7.0	
19	23Q301110128	Nguyễn Thu Oanh	07.10.2005	ĐD11.01	6.5	6.5	
20	23Q301110131	Nguyễn Ngọc Thu	12.09.2005	ĐD11.01	8.0	8.0	
21	23Q301110133	Nguyễn Thị Thu Trâm	02.03.2005	ĐD11.01	5.0	6.0	
22	23Q301110134	Hoàng Thu Trang	15.03.2005	ĐD11.01	6.0	7.5	
23	23Q301110135	Nguyễn Thị Huyền Trang	27.01.2005	ĐD11.01	5.5	6.5	
24	23Q301110136	Phùng Cẩm Tú	19.02.2005	ĐD11.01	5.5	5.5	
25	23Q301110137	Nguyễn Hà Vi	22.01.2005	ĐD11.01	5.5	7.5	
26	23Q604100227	Nguyễn Cẩm Vân	19.02.2004	ĐD11.01	6.5	6.0	
27	20q30181705	Phạm Thu Hằng	30.09.2002	ĐD11.02	7.5	6.0	
28	22Q30110632	Cung Hương Liên	07.06.2004	ĐD11.02	7.5	6.5	
29	23Q301110201	Đặng Phương Anh	27.06.2005	ĐD11.02	6.5	6.0	
30	23Q301110203	Nguyễn Thị Diệu Anh	13.07.2005	ĐD11.02	6.0	7.0	
31	23Q301110206	Bùi Thị Băng Băng	13.08.2005	ĐD11.02	8.5	8.5	
32	23Q301110207	Nguyễn Ngọc Diệp	19.11.2005	ĐD11.02	5.5	7.0	
33	23Q301110210	Trần Thị Thu Hà	13.09.2005	ĐD11.02	5.0	7.5	
34	23Q301110211	Phạm Thúy Hào	27.06.2005	ĐD11.02	7.0	8.0	
35	23Q301110212	Nguyễn Thị Hiền	04.04.2005	ĐD11.02	6.5	7.0	
36	23Q301110215	Nguyễn Thị Huyền	22.11.2005	ĐD11.02	8.5	8.5	
37	23Q301110218	Dương Thị Ngọc Lan	06.07.2005	ĐD11.02	6.5	7.0	
38	23Q301110221	Lê Xuân Lộc	06.01.2005	ĐD11.02	6.5	8.0	
39	23Q301110222	Nguyễn Xuân Lộc	08.04.2005	ĐD11.02	7.0	8.0	
40	23Q301110223	Nguyễn Ngọc Ly	27.03.2005	ĐD11.02	6.5	8.0	
41	23Q301110225	Nguyễn Thị Trà My	06.11.2005	ĐD11.02	7.0	8.0	
42	23Q301110226	Trần Hoài Nam	26.01.2005	ĐD11.02	6.5	8.0	
43	23Q301110227	Đặng Phương Hồng Ngọc	12.10.2005	ĐD11.02	7.0	7.5	
44	23Q301110228	Triệu Hồng Ngọc	06.09.2003	ĐD11.02	7.0	8.5	
45	23Q301110229	Nguyễn Thị Yến Nhi	23.11.2004	ĐD11.02	8.0	8.5	

Nam

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
46	23Q301110230	Đào Quỳnh Phương	13.12.2005	ĐD11.02	7.0	7.0	
47	23Q301110232	Nguyễn Như Quỳnh	22.11.2005	ĐD11.02	7.0	8.0	
48	23Q301110233	Lại Tuyết Thanh	28.08.2005	ĐD11.02	6.5	8.0	
49	23Q301110234	Nguyễn Thị Phương Thảo	14.08.2005	ĐD11.02	8.5	8.5	
50	23Q301110235	Chu Minh Thư	10.09.2005	ĐD11.02	7.5	7.5	
51	23Q301110236	Lại Thị Thu Thủy	29.10.2005	ĐD11.02	6.0	8.0	
52	23Q301110238	Nguyễn Thị Thu Trang	24.03.2005	ĐD11.02	6.0	8.0	
53	23Q301110239	Trần Thị Tuyết	13.12.2005	ĐD11.02	8.5	9.0	
54	23Q301110302	Đặng Thị Quỳnh Anh	14.05.2005	ĐD11.03	7.0	8.5	
55	23Q301110304	Nguyễn Thị Lan Anh	29.12.2005	ĐD11.03	5.0	6.0	
56	23Q301110306	Vũ Thanh Bình	02.05.2005	ĐD11.03	5.5	7.0	
57	23Q301110307	Nguyễn Văn Chương	08.05.2005	ĐD11.03	7.0	7.5	
58	23Q301110309	Trần Đình Ánh Dương	29.03.2005	ĐD11.03	5.5	5.5	
59	23Q301110310	Đỗ Thị Thu Hà	06.10.2005	ĐD11.03	5.5	6.5	
60	23Q301110311	Trần Thu Hà	24.12.2005	ĐD11.03	6.5	7.0	
61	23Q301110312	Nguyễn Thị Hậu	10.08.2005	ĐD11.03	6.5	6.5	
62	23Q301110314	Đỗ Thu Hương	19.05.2005	ĐD11.03	7.0	8.5	
63	23Q301110315	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20.03.2005	ĐD11.03	6.5	7.5	
64	23Q301110316	Nguyễn Đức Cát Khánh	29.10.2005	ĐD11.03	6.5	7.5	
65	23Q301110317	Nguyễn Lê Bảo Khánh	13.01.2005	ĐD11.03	5.5	6.5	
66	23Q301110318	Nguyễn Thị Hương Lan	03.06.2005	ĐD11.03	5.0	7.0	
67	23Q301110319	Nguyễn Khánh Linh	28.08.2005	ĐD11.03	8.0	7.5	
68	23Q301110321	Tổng Khánh Linh	15.08.2005	ĐD11.03	5.5	7.0	
69	23Q301110323	Phạm Lưu Ly	25.06.2005	ĐD11.03	7.0	7.0	
70	23Q301110324	Quách Thị Tuyết Minh	04.12.2005	ĐD11.03	6.0	7.5	
71	23Q301110325	Trần Thị Trà My	06.09.2005	ĐD11.03	6.5	8.0	
72	23Q301110326	Đinh Thị Hồng Ngọc	16.09.2005	ĐD11.03	7.0	7.5	
73	23Q301110327	Nông Hạnh Nguyên	17.09.2005	ĐD11.03	5.5	7.0	
74	23Q301110329	Đỗ Hồng Nhung	23.12.2005	ĐD11.03	8.0	7.5	
75	23Q301110331	Trần Thị Minh Phương	23.07.2005	ĐD11.03	7.5	7.5	
76	23Q301110332	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	02.11.2005	ĐD11.03	7.0	8.5	
77	23Q301110333	Mai Hồng Thanh	30.05.2005	ĐD11.03	7.5	9.0	
78	23Q301110334	Phùng Thu Thảo	11.12.2005	ĐD11.03	7.5	8.5	
79	23Q301110335	Dương Minh Thư	20.09.2005	ĐD11.03	7.0	7.5	
80	23Q301110336	Nguyễn Thị Thanh Thủy	06.07.2005	ĐD11.03	7.0	7.5	
81	23Q301110337	Đinh Thị Huyền Trang	31.08.2005	ĐD11.03	7.0	8.5	
82	23Q301110338	Nguyễn Thị Thu Trang	01.03.2002	ĐD11.03	8.5	9.5	
83	23Q301110339	Ngô Tú Uyên	07.10.2005	ĐD11.03	4.5	7.5	
84	23Q301110340	Nguyễn Thảo Vy	05.12.2005	ĐD11.03	6.5	8.0	
85	23Q301110401	Đào Châu Anh	26.07.2005	ĐD11.04	8.5	8.0	
86	23Q301110402	Lê Kim Anh	03.10.2005	ĐD11.04	7.0	7.0	
87	23Q301110403	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15.09.2005	ĐD11.04	7.0	7.5	
88	23Q301110405	Vũ Thị Như Bình	20.05.2005	ĐD11.04	7.5	8.5	
89	23Q301110407	Hà Quỳnh Diệu	14.01.2005	ĐD11.04	7.5	7.5	
90	23Q301110408	Ngô Hồng Duyên	03.01.2005	ĐD11.04	7.0	7.5	
91	23Q301110409	Lê Thị Thu Hà	16.05.2005	ĐD11.04	6.0	8.5	
92	23Q301110411	Dương Thu Hằng	10.10.2005	ĐD11.04	6.5	7.5	
93	23Q301110413	Nguyễn Tạ Minh Hoàng	03.08.2005	ĐD11.04	5.5	8.0	
94	23Q301110415	Nguyễn Thu Huyền	19.09.2005	ĐD11.04	7.0	8.0	
95	23Q301110416	Trịnh Thị Ngọc Huyền	07.05.2005	ĐD11.04	7.0	7.5	

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
BẠC
LIÊU
VIỆN

Như

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
96	23Q301110417	Bùi Phương Linh	05.02.2005	ĐD11.04	6.5	7.5	
97	23Q301110418	Nguyễn Ngọc Linh	12.01.2005	ĐD11.04	6.0	7.0	
98	23Q301110419	Trần Thùy Linh	25.02.2005	ĐD11.04	7.0	8.0	
99	23Q301110420	Đặng Thị Ngọc Mai	02.10.2005	ĐD11.04	6.0	8.0	
100	23Q301110422	Nguyễn Hằng Nga	07.02.2005	ĐD11.04	6.0	6.5	
101	23Q301110423	Đoàn Thị Hồng Ngọc	27.09.2005	ĐD11.04	8.0	8.0	
102	23Q301110424	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25.07.2005	ĐD11.04	6.5	7.0	
103	23Q301110426	Lê Ngọc Quang	08.10.2005	ĐD11.04	6.5	8.5	
104	23Q301110427	Ngô Lê Quyền	22.12.2005	ĐD11.04	7.0	7.0	
105	23Q301110428	Nguyễn Bá Sáng	04.12.2005	ĐD11.04	5.5	7.5	
106	23Q301110429	Phạm Thị Thanh	17.12.2005	ĐD11.04	5.5	8.0	
107	23Q301110430	Trần Thị Phương Thảo	18.03.2005	ĐD11.04	7.0	7.5	
108	23Q301110431	Lê Minh Thư	27.02.2005	ĐD11.04	6.0	7.5	
109	23Q301110434	Đỗ Hà Trang	07.01.2005	ĐD11.04	5.0	7.5	
110	23Q301110436	Nguyễn Vũ Tuấn	15.09.2005	ĐD11.04	5.0	7.5	
111	23Q301110438	Nguyễn Tú Uyên	14.02.2004	ĐD11.04	8.0	7.5	
112	23Q301110439	Nguyễn Thị Hải Yến	03.06.2005	ĐD11.04	6.0	7.0	
113	22Q30110736	Phạm Thị Trà My	29.07.2004	ĐD11.05	5.0	4.5	
114	23Q301110502	Lò Thị Quỳnh Anh	16.11.2005	ĐD11.05	7.0	7.5	
115	23Q301110505	Phùng Tiến Anh	11.10.2005	ĐD11.05	5.0	7.5	
116	23Q301110506	Dương Ngọc Ánh	09.11.2005	ĐD11.05	7.0	8.0	
117	23Q301110508	Dương Văn Thành Đạt	08.12.2005	ĐD11.05	6.0	7.5	
118	23Q301110511	Nguyễn Thị Thu Duyên	21.11.2005	ĐD11.05	8.0	8.0	
119	23Q301110512	Đỗ Lê Hương Giang	18.12.2005	ĐD11.05	6.5	8.0	
120	23Q301110513	Ngô Hải Hà	28.10.2005	ĐD11.05	6.0	8.5	
121	23Q301110514	Lại Thị Hằng	11.05.2005	ĐD11.05	6.0	7.5	
122	23Q301110517	Nguyễn Thị Huyền	03.01.2001	ĐD11.05	7.5	8.5	
123	23Q301110519	Đặng Thị Thùy Linh	07.11.2005	ĐD11.05	6.0	7.5	
124	23Q301110522	Hà Thúy Mai	29.12.2005	ĐD11.05	7.0	8.5	
125	23Q301110525	Bùi Thị Huyền My	07.03.2005	ĐD11.05	5.5	7.5	
126	23Q301110526	Nguyễn Thị Nga	28.02.2002	ĐD11.05	5.0	7.0	
127	23Q301110527	Đỗ Minh Ngọc	25.09.2005	ĐD11.05	6.5	7.5	
128	23Q301110529	Đinh Thị Nhung	01.07.2005	ĐD11.05	5.5	9.0	
129	23Q301110530	Nguyễn Mai Phương	30.10.2005	ĐD11.05	7.0	5.5	
130	23Q301110531	Nguyễn Thị Quỳnh	05.10.2005	ĐD11.05	6.5	8.0	
131	23Q301110533	Trần Thị Thu Thảo	09.11.2005	ĐD11.05	6.0	7.5	
132	23Q301110534	Phạm Thị Thư	20.09.2005	ĐD11.05	7.5	8.5	
133	23Q301110536	Đỗ Thu Trang	20.01.2005	ĐD11.05	6.0	7.0	
134	23Q301110602	Đinh Hoài Anh	09.09.2005	ĐD11.06	6.0	5.5	
135	23Q301110603	Hà Quang Anh	02.09.2005	ĐD11.06	7.0	5.5	
136	23Q301110604	Mai Quốc Anh	21.11.2004	ĐD11.06	7.5	6.5	
137	23Q301110605	Nguyễn Mai Anh	19.11.2005	ĐD11.06	5.0	6.0	
138	23Q301110607	Lại Thị Ngọc Ánh	17.03.2005	ĐD11.06	6.0	7.5	
139	23Q301110608	Lê Ngọc Linh Chi	19.06.2005	ĐD11.06	6.0	7.0	
140	23Q301110610	Tường Duy Đồng	17.01.2005	ĐD11.06	6.5	7.5	
141	23Q301110611	Hoàng Mỹ Dung	19.09.2005	ĐD11.06	6.0	7.5	
142	23Q301110612	Trần Thị Mỹ Duyên	03.11.2005	ĐD11.06	7.0	8.0	
143	23Q301110614	Nguyễn Thanh Hằng	10.02.2005	ĐD11.06	7.0	8.0	
144	23Q301110615	Nguyễn Thị Thu Hiền	17.09.2005	ĐD11.06	6.0	6.5	
145	23Q301110618	Dương Bích Hương	01.10.2005	ĐD11.06	5.5	7.5	

ÔNG .
NG Y T
1 MA
BA

Nhuoc

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
146	23Q301110620	Phạm Thị Huyền	24.10.2005	ĐD11.06	6.0	7.5	
147	23Q301110623	Vũ Thị Thùy Linh	27.07.2005	ĐD11.06	7.0	8.0	
148	23Q301110624	Lê Hồng Mai	12.07.2005	ĐD11.06	7.0	9.0	
149	23Q301110625	Nguyễn Quỳnh Mai	25.05.2005	ĐD11.06	7.5	9.5	
150	23Q301110627	Phạm Thanh Nga	13.03.2005	ĐD11.06	7.5	8.0	
151	23Q301110628	Lê Minh Ngọc	08.10.2005	ĐD11.06	7.0	7.0	
152	23Q301110629	Nguyễn Thị Ngọc	10.01.2000	ĐD11.06	7.5	7.5	
153	23Q301110630	Dương Thị Nhung	26.05.2004	ĐD11.06	7.0	8.0	
154	23Q301110631	Nguyễn Mai Phương	11.12.2005	ĐD11.06	6.0	9.0	
155	23Q301110632	Đặng Thị Quỳnh	15.05.2005	ĐD11.06	7.0	8.5	
156	23Q301110634	Đào Lê Phương Thảo	17.10.2005	ĐD11.06	7.0	8.5	
157	23Q301110635	Trần Thị Thu Thảo	16.10.2005	ĐD11.06	6.5	7.5	
158	23Q301110636	Lương Ngọc Thuận	01.03.2005	ĐD11.06	6.0	8.0	
159	23Q301110637	Lê Thị Thu Trà	18.01.2005	ĐD11.06	8.0	8.5	
160	23Q301110638	Nguyễn Đoan Trang	03.02.2005	ĐD11.06	6.5	8.5	
161	23Q301110639	Phạm Huyền Trang	30.03.2005	ĐD11.06	5.5	7.5	
162	23Q301110701	Đỗ Thị Châm Anh	05.12.2005	ĐD11.07	8.0	7.5	
163	23Q301110702	Nguyễn Đình Hải Anh	23.12.2005	ĐD11.07	7.0	7.0	
164	23Q301110703	Nguyễn Ngọc Anh	03.07.2004	ĐD11.07	6.5	8.0	
165	23Q301110704	Nguyễn Tú Anh	28.10.2005	ĐD11.07	7.0	7.5	
166	23Q301110708	Trương Thị Thu Dung	08.02.2005	ĐD11.07	5.5	7.0	
167	23Q301110709	Nguyễn Quỳnh Giang	05.11.2005	ĐD11.07	7.0	8.0	
168	23Q301110710	Bùi Hải Hà	26.11.2005	ĐD11.07	7.0	7.0	
169	23Q301110711	Nguyễn Thu Hà	14.08.2004	ĐD11.07	7.5	8.0	
170	23Q301110713	Trần Thị Thanh Hiền	29.09.2005	ĐD11.07	7.0	8.0	
171	23Q301110716	Trương Thu Huyền	15.11.2005	ĐD11.07	7.0	7.5	
172	23Q301110717	Phạm Thị Khánh	27.07.2005	ĐD11.07	6.5	7.0	
173	23Q301110718	Trịnh Thị Bích Lệ	18.07.2005	ĐD11.07	7.5	8.5	
174	23Q301110719	Ban Thị Hương Liên	10.09.2005	ĐD11.07	5.5	7.5	
175	23Q301110726	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	18.11.2005	ĐD11.07	8.0	8.0	
176	23Q301110728	Trần Tân Phong	14.06.1997	ĐD11.07	7.5	9.0	
177	23Q301110729	Nguyễn Minh Phương	14.06.2005	ĐD11.07	6.5	7.5	
178	23Q301110730	Nguyễn Ngọc Quỳnh	22.07.2005	ĐD11.07	7.5	8.0	
179	23Q301110731	Đinh Phương Thảo	14.06.2005	ĐD11.07	7.5	8.5	
180	23Q301110732	Trần Thị Thoan	03.06.2005	ĐD11.07	7.0	8.5	
181	23Q301110733	Hà Thanh Thủy	30.05.2005	ĐD11.07	8.0	7.5	
182	23Q301110734	Nguyễn Thị Thủy	02.11.2005	ĐD11.07	5.5	7.0	
183	23Q301110737	Phạm Thu Trang	11.09.2005	ĐD11.07	6.0	7.5	
184	23Q301110738	Đặng Thanh Tùng	15.11.2005	ĐD11.07	7.0	8.5	
185	23Q301110802	Hà Thị Lan Anh	21.01.2005	ĐD11.08	7.0	7.0	
186	23Q301110804	Nguyễn Văn Anh	08.12.2005	ĐD11.08	6.5	7.5	
187	23Q301110805	Nguyễn Thị Ánh	10.09.2005	ĐD11.08	7.0	7.5	
188	23Q301110807	Vũ Thị Thùy Dung	09.04.2005	ĐD11.08	6.0	7.0	
189	23Q301110808	Lê Đình Duy	04.01.2005	ĐD11.08	6.5	6.5	
190	23Q301110810	Phạm Thị Thu Hà	05.06.2005	ĐD11.08	6.5	7.0	
191	23Q301110811	Lê Thị Hồng Hạnh	05.08.2005	ĐD11.08	7.0	7.5	
192	23Q301110814	Nguyễn Thị Thu Hường	07.06.2005	ĐD11.08	8.5	7.5	
193	23Q301110815	Đào Thị Ngọc Khánh	19.09.2005	ĐD11.08	7.0	7.0	
194	23Q301110816	Nguyễn Duy Khoa	13.07.2005	ĐD11.08	8.0	7.0	
195	23Q301110817	Đỗ Thùy Linh	30.06.2005	ĐD11.08	6.0	7.5	



Nguyễn

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
196	23Q301110818	Nguyễn Khánh Linh	07.11.2005	ĐD11.08	7.0	6.5	
197	23Q301110820	Phạm Thị Tú Linh	22.10.2005	ĐD11.08	6.0	7.0	
198	23Q301110821	Lê Cẩm Ly	03.12.2005	ĐD11.08	7.0	8.0	
199	23Q301110822	Trần Việt Ngọc Mai	23.08.2005	ĐD11.08	6.0	8.5	
200	23Q301110823	Nguyễn Thị Trà My	11.12.2005	ĐD11.08	7.5	7.0	
201	23Q301110824	Hoàng Ánh Ngân	27.11.2005	ĐD11.08	5.5	6.0	
202	23Q301110825	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	04.12.2005	ĐD11.08	5.0	6.0	
203	23Q301110826	Phan Thị Khánh Ninh	02.04.2005	ĐD11.08	6.5	5.0	
204	23Q301110827	Trần Thị Kim Oanh	04.02.2005	ĐD11.08	6.0	6.0	
205	23Q301110830	Dương Hữu Thanh	05.07.2005	ĐD11.08	7.5	9.0	
206	23Q301110831	Hoàng Phương Thảo	28.12.2005	ĐD11.08	5.5	8.5	
207	23Q301110832	Phạm Thị Thơm	03.10.2005	ĐD11.08	9.0	9.5	
208	23Q301110833	Lê Thị Hồng Thúy	19.10.2005	ĐD11.08	4.0	8.0	
209	23Q301110834	Nguyễn Thị Tuyết Trà	13.02.2004	ĐD11.08	6.5	7.5	
210	23Q301110835	Nguyễn Mai Trang	11.11.2005	ĐD11.08	6.5	7.5	
211	23Q301110837	Nguyễn Phương Trúc	14.05.2005	ĐD11.08	7.5	8.0	
212	23Q301110838	Nguyễn Đức Tuấn	20.09.2005	ĐD11.08	7.0	8.0	
213	23Q301110840	Vũ Mạnh Vương	24.05.2005	ĐD11.08	8.0	7.0	
214	22Q30110129	Vũ Thị Huyền	28.03.2003	ĐD11.09	7.5	8.0	
215	22Q30110740	Hoàng Kim Ngân	02.09.2004	ĐD11.09	6.5	8.0	
216	23Q301110901	Hoàng Diệp Anh	09.05.2005	ĐD11.09	6.5	6.5	
217	23Q301110903	Nguyễn Phương Anh	29.11.2005	ĐD11.09	6.0	6.5	
218	23Q301110904	Phạm Thị Chúc Anh	04.09.2005	ĐD11.09	8.0	9.0	
219	23Q301110905	Trần Thị Tâm Anh	16.12.2005	ĐD11.09	7.5	8.0	
220	23Q301110906	Vũ Phương Anh	18.08.2005	ĐD11.09	6.5	6.5	
221	23Q301110907	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28.04.2004	ĐD11.09	7.5	7.5	
222	23Q301110909	Đỗ Bạch Dương	23.06.2005	ĐD11.09	7.0	8.0	
223	23Q301110911	Phạm Hương Giang	26.12.2005	ĐD11.09	6.5	8.0	
224	23Q301110915	Nguyễn Thị Hoài	14.10.2004	ĐD11.09	6.5	7.5	
225	23Q301110916	Đào Thu Huyền	21.06.2005	ĐD11.09	7.5	7.5	
226	23Q301110918	Dương Ngọc Khánh	01.09.2005	ĐD11.09	8.5	8.5	
227	23Q301110919	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	24.04.2005	ĐD11.09	0.0	7.5	VKP
228	23Q301110920	Hoàng Diệu Linh	25.02.2005	ĐD11.09	5.5	6.0	
229	23Q301110921	Phạm Thùy Linh	01.11.2005	ĐD11.09	6.5	8.0	
230	23Q301110922	Lê Thị Diệu Ly	13.07.2005	ĐD11.09	5.0	7.0	
231	23Q301110923	Lê Cẩm May	23.07.2005	ĐD11.09	7.0	9.0	
232	23Q301110924	Nguyễn Thị Trà My	04.12.2005	ĐD11.09	7.0	6.5	
233	23Q301110925	Nguyễn Thị Ngân	06.07.2005	ĐD11.09	6.5	6.0	
234	23Q301110928	Đặng Thị Kiều Oanh	18.02.2005	ĐD11.09	6.5	7.0	
235	23Q301110929	Nguyễn Thị Như Phương	29.12.2005	ĐD11.09	7.0	6.5	
236	23Q301110930	Phạm Minh Tâm	19.10.2005	ĐD11.09	6.0	6.5	
237	23Q301110931	Lê Phương Thảo	07.03.2005	ĐD11.09	7.0	9.0	
238	23Q301110932	Đỗ Mai Thu	01.03.2005	ĐD11.09	7.5	7.5	
239	23Q301110933	Nguyễn Diệu Thúy	25.06.2005	ĐD11.09	7.5	8.0	
240	23Q301110936	Phạm Thị Thu Trang	25.11.2005	ĐD11.09	8.0	8.5	
241	23Q301110937	Trần Thị Huyền Trang	02.10.2005	ĐD11.09	7.0	8.0	
242	23Q301110938	Đỗ Trang Tuyên	15.01.2005	ĐD11.09	5.5	7.5	
243	23Q301111001	Nguyễn Lê Quốc An	31.03.2005	ĐD11.10	6.0	5.5	
244	23Q301111004	Trần Minh Anh	23.04.2005	ĐD11.10	6.0	6.5	
245	23Q301111005	Phạm Ngọc Ánh	22.07.2005	ĐD11.10	6.5	8.0	

TRƯỜNG
HÀO ĐỨC
BẠCH
VIỆN

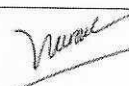
Nguyễn

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
246	23Q301111006	Trần Ngọc Ánh	14.09.2005	ĐD11.10	8.0	8.5	
247	23Q301111007	Đặng Thị Kim Chi	30.04.2005	ĐD11.10	6.0	5.5	
248	23Q301111009	Trương Thị Mỹ Dung	21.10.2005	ĐD11.10	6.5	6.5	
249	23Q301111010	Lưu Thùy Dương	09.12.2005	ĐD11.10	6.0	7.0	
250	23Q301111013	Hoàng Thu Hằng	14.03.2005	ĐD11.10	6.5	8.0	
251	23Q301111015	Vũ Thị Hoài	27.01.2005	ĐD11.10	6.0	7.5	
252	23Q301111017	Lương Thị Thu Huyền	19.09.2005	ĐD11.10	7.0	7.5	
253	23Q301111019	Lâm Thị Diệu Linh	27.02.2005	ĐD11.10	6.5	7.5	
254	23Q301111021	Phan Ngọc Linh	10.12.2005	ĐD11.10	6.0	7.0	
255	23Q301111022	Nguyễn Hương Ly	23.04.2005	ĐD11.10	6.5	8.0	
256	23Q301111023	Nguyễn Thị Trà My	22.06.2005	ĐD11.10	7.0	7.5	
257	23Q301111024	Phạm Thị Ngân	18.03.2003	ĐD11.10	6.0	6.5	
258	23Q301111025	Lê Thị Linh Nhi	03.09.2005	ĐD11.10	5.5	6.5	
259	23Q301111026	Đặng Thu Oanh	15.05.2004	ĐD11.10	8.0	7.0	
260	23Q301111027	Lê Nguyễn Cao Phi	10.12.2004	ĐD11.10	5.5	6.5	
261	23Q301111028	Nguyễn Thu Phương	24.08.2005	ĐD11.10	7.0	6.5	
262	23Q301111031	Tạ Thị Minh Tâm	06.09.2005	ĐD11.10	5.5	7.0	
263	23Q301111032	Nguyễn Thị Thảo	26.11.2005	ĐD11.10	6.5	7.5	
264	23Q301111033	Nguyễn Minh Thu	30.06.2005	ĐD11.10	8.0	7.5	
265	23Q301111034	Đỗ Thị Thùy	06.09.2005	ĐD11.10	6.0	8.0	
266	23Q301111035	Trần Thị Thu Trà	07.08.2005	ĐD11.10	7.0	8.5	
267	23Q301111037	Vũ Thị Trang	10.02.2005	ĐD11.10	5.5	7.0	
268	23Q301111038	Hoàng Thị Yến Vi	01.10.2005	ĐD11.10	6.0	7.5	
269	23Q301111103	Vũ Thị Thu Cúc	10.12.2005	ĐD11.11	7.0	8.5	
270	23Q301111104	Phùng Tiến Đại	14.12.2003	ĐD11.11	7.5	7.5	
271	23Q301111105	Nguyễn Quỳnh Hoa	10.01.2005	ĐD11.11	6.0	6.5	
272	23Q301111106	Phùng Thị Thu Hồng	27.12.2005	ĐD11.11	7.5	8.5	
273	23Q301111108	Nguyễn Trịnh Huyền Hương	29.06.2005	ĐD11.11	5.5	6.5	
274	23Q301111109	Trương Thị Bích Hường	25.10.2005	ĐD11.11	6.5	7.5	
275	23Q301111110	Hoàng Thu Huyền	15.01.2005	ĐD11.11	4.5	7.5	
276	23Q301111112	Lê Thị Phương Linh	27.06.2005	ĐD11.11	5.5	6.5	
277	23Q301111113	Nguyễn Thị Khánh Linh	11.03.2005	ĐD11.11	6.0	7.0	
278	23Q301111114	Nguyễn Thùy Linh	10.12.2005	ĐD11.11	7.5	7.5	
279	23Q301111115	Phạm Phương Linh	08.11.2005	ĐD11.11	6.5	7.0	
280	23Q301111117	Đặng Hương Ly	26.09.2005	ĐD11.11	7.5	8.0	
281	23Q301111121	Cao Yến Nhi	22.06.2005	ĐD11.11	6.0	6.0	
282	23Q301111123	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29.06.2005	ĐD11.11	7.0	7.0	
283	23Q301111124	Đoàn Thị Minh Phụng	18.11.2005	ĐD11.11	7.0	7.5	
284	23Q301111126	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	11.03.2005	ĐD11.11	7.0	8.0	
285	23Q301111127	Tô Thị Quỳnh	28.12.2001	ĐD11.11	7.0	8.0	
286	23Q301111128	Vũ Thị Quỳnh	17.12.2003	ĐD11.11	6.5	7.5	
287	23Q301111129	Dương Anh Sơn	19.05.2005	ĐD11.11	7.0	8.0	
288	23Q301111131	Phan Thị Thảo	16.12.2004	ĐD11.11	7.0	7.5	
289	23Q301111132	Đinh Minh Thư	22.12.2004	ĐD11.11	7.0	7.5	
290	23Q301111133	Nguyễn Thị Nhật Thủy	29.03.2005	ĐD11.11	5.5	5.5	
291	23Q301111134	Vũ Thu Thủy	21.09.2005	ĐD11.11	4.5	7.0	
292	23Q301111135	Nguyễn Thị Thủy Tiên	23.12.2005	ĐD11.11	6.0	6.0	
293	23Q301111137	Phan Ngọc Uyên	18.06.2005	ĐD11.11	5.5	6.5	
294	23Q301111139	Nguyễn Minh Vũ	04.08.2005	ĐD11.11	5.5	6.5	
295	23Q301111140	Trần Hoàng Diễm Xuân	14.02.2005	ĐD11.11	6.5	7.5	

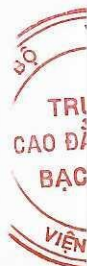
NG
Y TẾ
MAI
BACH

Handwritten signature

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
296	23Q301111201	Đào Phương Anh	30.01.2005	ĐD11.12	7.0	6.5	
297	23Q301111202	Nguyễn Diệu Anh	27.09.2005	ĐD11.12	6.5	7.5	
298	23Q301111203	Nguyễn Lan Anh	17.06.2005	ĐD11.12	7.5	7.5	
299	23Q301111204	Nguyễn Thị Lan Anh	07.10.2005	ĐD11.12	6.5	7.5	
300	23Q301111206	Đoàn Nhật Ánh	22.01.2005	ĐD11.12	8.0	7.0	
301	23Q301111207	Đỗ Thị Quỳnh Châm	22.03.2005	ĐD11.12	7.5	6.5	
302	23Q301111209	Nguyễn Trà Giang	11.10.2005	ĐD11.12	7.0	8.0	
303	23Q301111212	Nguyễn Thanh Huyền	09.11.2005	ĐD11.12	6.5	7.5	
304	23Q301111214	Nguyễn Thùy Linh	25.09.2005	ĐD11.12	7.0	8.5	
305	23Q301111215	Vũ Thị Thùy Linh	24.08.2005	ĐD11.12	7.0	7.5	
306	23Q301111216	Lê Tuyết Mai	27.06.2005	ĐD11.12	5.5	8.0	
307	23Q301111217	Phạm Quỳnh Mai	25.11.2005	ĐD11.12	6.0	7.5	
308	23Q301111219	Vương Thị Nga	03.05.2005	ĐD11.12	7.5	7.0	
309	23Q301111220	Bùi Thị Kim Ngân	14.02.2005	ĐD11.12	7.5	7.5	
310	23Q301111221	Hoàng Thị Bích Ngọc	24.08.2005	ĐD11.12	6.5	6.5	
311	23Q301111224	Nguyễn Thị Nhung	19.03.2005	ĐD11.12	7.0	7.5	
312	23Q301111226	Đồng Thị Thu Phương	06.08.2005	ĐD11.12	7.0	6.0	
313	23Q301111227	Đoàn Thị Lệ Quỳn	30.10.2005	ĐD11.12	8.5	8.5	
314	23Q301111228	Đỗ Như Quỳnh	06.10.2005	ĐD11.12	5.5	8.0	
315	23Q301111229	Nguyễn Thị Như Quỳnh	03.09.2005	ĐD11.12	7.0	7.0	
316	23Q301111230	Nguyễn Thị Minh Thư	16.02.2005	ĐD11.12	6.0	7.5	
317	23Q301111231	Ngô Thị Thanh Thương	20.08.2005	ĐD11.12	6.0	7.0	
318	23Q301111232	Nguyễn Minh Tiến	17.09.2005	ĐD11.12	6.0	6.0	
319	23Q301111233	Lê Thị Huyền Trang	07.09.2005	ĐD11.12	6.5	7.5	
320	23Q301111234	Nguyễn Kiều Trang	12.12.2005	ĐD11.12	6.5	7.5	
321	23Q301111235	Thái Thị Thùy Trang	30.01.2005	ĐD11.12	6.5	8.5	
322	23Q301111237	Diệp Minh Tuyền	01.11.2005	ĐD11.12	5.5	6.5	
323	23Q301111238	Phạm Khánh Vân	28.05.2005	ĐD11.12	6.0	7.5	
324	23Q301111239	Lê Thị Mai Vy	01.06.2003	ĐD11.12	6.0	7.5	
325	23Q301111240	Nguyễn Hải Yến	22.04.2005	ĐD11.12	7.0	7.5	
326	23Q301111304	Nguyễn Thị Vân Anh	31.03.2002	ĐD11.13	8.0	7.0	
327	23Q301111305	Phạm Ngọc Anh	12.02.2005	ĐD11.13	6.5	7.0	
328	23Q301111308	Từ Thái Bảo	03.06.2005	ĐD11.13	6.0	8.0	
329	23Q301111312	Nguyễn Thị Thu Hương	15.10.2005	ĐD11.13	7.0	7.5	
330	23Q301111313	Chu Thanh Huyền	05.07.2005	ĐD11.13	7.0	7.0	
331	23Q301111315	Ngô Thị Thu Huyền	11.11.2005	ĐD11.13	7.0	7.5	
332	23Q301111316	Nhâm Thu Huyền	11.02.2005	ĐD11.13	7.5	8.0	
333	23Q301111318	Phạm Khánh Linh	07.09.2005	ĐD11.13	6.0	7.0	
334	23Q301111320	Vũ Hương Ly	30.03.2005	ĐD11.13	6.0	7.5	
335	23Q301111321	Vũ Khánh Ly	14.08.2005	ĐD11.13	5.5	8.0	
336	23Q301111322	Đỗ Thị Ngọc Mai	14.06.2001	ĐD11.13	7.0	8.0	
337	23Q301111323	Đồng Thảo My	22.09.2005	ĐD11.13	6.0	6.5	
338	23Q301111324	Vương Thị Thảo Nguyên	11.05.2005	ĐD11.13	6.5	7.0	
339	23Q301111326	Nguyễn Thị Thu Phương	11.03.2005	ĐD11.13	6.5	6.0	
340	23Q301111327	Vũ Thị Ngọc Phượng	04.09.2005	ĐD11.13	8.5	8.5	
341	23Q301111328	Phạm Nam Thắng	20.08.2005	ĐD11.13	5.5	7.5	
342	23Q301111330	Ngô Thị Phương Thảo	15.08.2005	ĐD11.13	7.0	7.0	
343	23Q301111331	Trần Thị Thu Thảo	28.12.2005	ĐD11.13	7.0	7.5	
344	23Q301111332	Phạm Thị Minh Thư	23.07.2005	ĐD11.13	6.5	6.5	
345	23Q301111333	Nguyễn Thu Thủy	07.11.2004	ĐD11.13	6.0	6.0	



STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
346	23Q301111334	Bùi Thị Thảo Trâm	20.10.2000	ĐD11.13	8.0	7.0	
347	23Q301111335	Nguyễn Thị Thu Trang	25.08.2005	ĐD11.13	5.5	6.5	
348	23Q301111336	Nguyễn Thị Thu Trang	17.07.2005	ĐD11.13	8.0	8.0	
349	23Q301111337	Nguyễn Đức Trung	04.07.1993	ĐD11.13	6.5	8.0	
350	23Q301111338	Phạm Trí Tuệ	02.06.2004	ĐD11.13	6.5	8.0	
351	23Q301111339	Vũ Thị Tươi	04.04.2005	ĐD11.13	6.5	7.5	
352	23Q301111340	Trần Long Vũ	09.03.2005	ĐD11.13	6.0	9.0	
353	22Q30110457	Nguyễn Đăng Hoài Trang	14.11.2004	ĐD11.14	7.0	6.0	
354	23Q301111401	Giang Quỳnh Anh	30.11.2005	ĐD11.14	6.0	6.5	
355	23Q301111402	Nguyễn Ngọc Anh	02.09.2005	ĐD11.14	8.0	7.0	
356	23Q301111403	Nguyễn Thị Phương Anh	26.08.2003	ĐD11.14	7.5	6.5	
357	23Q301111406	Lê Thị Minh Châu	20.01.2005	ĐD11.14	7.5	7.5	
358	23Q301111408	Đỗ Thùy Dương	27.06.2005	ĐD11.14	8.0	7.5	
359	23Q301111409	Hoàng Thùy Dương	25.09.2005	ĐD11.14	7.0	6.5	
360	23Q301111411	Trần Thị Hương Giang	26.07.2004	ĐD11.14	7.5	7.0	
361	23Q301111413	Bùi Thị Mỹ Hạnh	06.08.2005	ĐD11.14	8.5	7.5	
362	23Q301111414	Trần Phương Hoa	15.08.2005	ĐD11.14	7.0	7.0	
363	23Q301111416	Nguyễn Trường Huy	25.11.2005	ĐD11.14	5.0	8.0	
364	23Q301111418	Hà Lan Ly	01.03.2005	ĐD11.14	7.5	8.5	
365	23Q301111420	Vũ Thanh Mai	30.04.2005	ĐD11.14	6.0	7.5	
366	23Q301111423	Ngô Thị Bảo Ngọc	06.12.2005	ĐD11.14	7.0	6.5	
367	23Q301111424	Nguyễn Minh Ngọc	12.07.2005	ĐD11.14	7.5	7.5	
368	23Q301111425	Phùng Thị Nụ	17.01.2005	ĐD11.14	6.0	7.0	
369	23Q301111426	Đinh Thanh Phương	09.12.2005	ĐD11.14	6.0	5.5	
370	23Q301111427	Nhân Thị Mai Phương	28.09.2004	ĐD11.14	6.5	7.0	
371	23Q301111428	Giàng Thị Sung	25.11.2004	ĐD11.14	8.0	8.5	
372	23Q301111429	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	20.11.2005	ĐD11.14	8.0	8.0	
373	23Q301111430	Nguyễn Hương Thảo	07.03.2005	ĐD11.14	9.0	8.5	
374	23Q301111431	Cù Thanh Thu	13.08.2005	ĐD11.14	7.5	8.0	
375	23Q301111432	Quản Thị Thương	03.03.2004	ĐD11.14	6.5	7.0	
376	23Q301111433	Trần Thị Thương	13.09.2005	ĐD11.14	7.5	8.5	
377	23Q301111434	Phạm Thanh Thủy	19.02.2005	ĐD11.14	7.0	8.0	
378	23Q301111436	Đỗ Thị Hải Yến	13.10.2005	ĐD11.14	7.0	8.0	
379	23Q602100213	Nguyễn Khánh Linh	14.10.2005	ĐD11.14	6.5	6.5	
380	23Q602100218	Vũ Thị Ánh Nguyệt	07.02.2005	ĐD11.14	6.5	6.5	
381	22Q30110346	Nguyễn Hồng Nhung	15.01.2004	ĐD 10C	5.5	7.0	
382	22Q30110607	Bùi Ngọc Ánh	19.11.2004	ĐD 10G	5.5	6.0	
383	22Q30110633	Phùng Ngọc Liên	30.11.2003	ĐD 10G	7.0	7.5	
384	22Q30110101	Lê Thục Anh	23.03.2004	ĐD 10A		6.5	thi L2 THNN
385	22Q30110104	Phạm Văn Anh	29.06.2004	ĐD 10A		7.5	thi L2 THNN
386	22Q30110140	Lê Trần Khôi Nguyên	07.12.2004	ĐD 10A	5.5		thi L2 LTTHNN
II. NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC							
1	21Q60180834	Nguyễn Tuấn Phong	17.12.2003	HAYH K10	4.5	6.5	
2	23Q601100101	Vi Phan Bình An	12.07.2005	HAYH K10	4.5	5.5	
3	23Q601100102	Nguyễn Như Hoài Anh	16.11.2000	HAYH K10	6.0	7.0	
4	23Q601100103	Phạm Minh Anh	29.08.2005	HAYH K10	5.5	8.5	
5	23Q601100106	Lò Hồng Ánh	18.06.2005	HAYH K10	5.5	7.0	
6	23Q601100107	Hoàng Ngọc Điệp	15.01.2005	HAYH K10	6.0	7.5	
7	23Q601100108	Nguyễn Thị Hồng Điệp	04.10.2003	HAYH K10	5.5	7.5	
8	23Q601100109	Nguyễn Bá Duy	11.10.2005	HAYH K10	5.0	8.0	



Nguyễn

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
9	23Q601100110	Nguyễn Đức Duy	26.06.2005	HAYH K10	6.5	7.5	
10	23Q601100111	Vũ Mạnh Duy	24.07.2005	HAYH K10	7.0	8.0	
11	23Q601100113	Trần Thế Giới	23.02.2003	HAYH K10	6.0	8.5	
12	23Q601100114	Nguyễn Minh Hợi	27.12.2005	HAYH K10	8.0	8.0	
13	23Q601100115	Đặng Quang Hùng	20.03.2005	HAYH K10	6.0	6.5	
14	23Q601100116	Đinh Việt Hùng	30.07.2005	HAYH K10	5.0	6.5	
15	23Q601100117	Nguyễn Mạnh Hùng	20.05.2005	HAYH K10	6.5	8.0	
16	23Q601100118	Đinh Quang Huy	27.10.2004	HAYH K10	6.5	7.5	
17	23Q601100119	Ngô Anh Huy	15.10.2005	HAYH K10	7.0	8.5	
18	23Q601100120	Trần Quốc Huy	14.08.2005	HAYH K10	4.0	6.5	
19	23Q601100122	Tạ Quang Lâm	01.07.2005	HAYH K10	5.0	7.5	
20	23Q601100123	Nguyễn Đức Lương	29.07.2005	HAYH K10	6.0	6.5	
21	23Q601100127	Ngô Minh Quân	05.01.2005	HAYH K10	6.0	6.0	
22	23Q601100128	Nguyễn Bá Anh Quân	30.12.2005	HAYH K10	7.0	8.0	
23	23Q601100132	Lê Văn Thịnh	05.03.2005	HAYH K10	4.5	6.5	
24	23Q601100133	Nguyễn Quang Tiến	17.08.2005	HAYH K10	6.5	8.0	
25	23Q601100134	Hoàng Minh Tiệp	05.10.2005	HAYH K10	5.5	8.0	
26	23Q601100135	Lưu Hồng Toàn	27.12.2005	HAYH K10	7.5	9.0	
27	23Q601100139	Hoàng Nguyễn Phạm Tuyên	19.06.2005	HAYH K10	4.5	7.5	
28	22Q60190111	Đỗ Văn Hiếu	07.08.2004	HAYH K9	4.5	6.0	

III. NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

1	23Q602100101	Dương Quốc Anh	21.12.2005	XNYH K10	5.5	7.5	
2	23Q602100201	Lê Đức Anh	12.12.2005	XNYH K10	7.0	6.0	
3	23Q602100102	Phan Quỳnh Anh	13.10.2004	XNYH K10	6.5	7.0	
4	23Q602100202	Trần Trung Tuấn Anh	24.01.2005	XNYH K10	6.5	6.5	
5	23Q602100103	Đỗ Trần Ngọc Châu	17.07.2005	XNYH K10	5.5	6.5	
6	23Q602100203	Nguyễn Mạnh Phúc Châu	08.01.2005	XNYH K10	5.0	6.5	
7	23Q602100104	Chu Thị Phương Chi	26.05.2005	XNYH K10	6.5	9.5	
8	23Q602100204	Nguyễn Thị Huệ Chi	25.05.2004	XNYH K10	5.0	6.5	
9	23Q602100107	Nguyễn Văn Đạt	08.08.2005	XNYH K10	4.5	7.5	
10	23Q602100208	Nguyễn Hương Giang	04.08.2005	XNYH K10	6.5	8.5	
11	23Q602100209	Lục Thị Hạnh	25.06.2005	XNYH K10	6.0	7.5	
12	23Q602100110	Phạm Thị Hạnh	06.03.2005	XNYH K10	7.5	7.5	
13	23Q602100210	Trần Phương Hiền	22.11.2005	XNYH K10	7.0	9.0	
14	23Q602100112	Phùng Khánh Huyền	14.10.2005	XNYH K10	7.0	7.0	
15	23Q602100212	Nguyễn Lệ Khuyên	29.09.2005	XNYH K10	5.5	7.5	
16	23Q602100113	Nguyễn Công Lâm	08.03.2005	XNYH K10	5.0	7.0	
17	23Q602100114	Phạm Thị Khánh Linh	17.10.2005	XNYH K10	6.5	7.0	
18	23Q602100115	Nguyễn Thục Mai	24.10.2005	XNYH K10	5.0	7.5	
19	23Q602100215	Lê Nguyễn Quang Minh	19.07.2005	XNYH K10	5.5	7.5	
20	23Q602100216	Trần Trang My	20.10.2005	XNYH K10	7.0	8.5	
21	23Q602100117	Đặng Việt Mỹ	16.01.2005	XNYH K10	5.5	6.5	
22	23Q602100118	Lê Đăng Nguyên	19.09.2005	XNYH K10	7.0	5.0	
23	23Q602100219	Lê Thiên Kim Phúc	23.11.2005	XNYH K10	5.0	6.5	
24	23Q602100120	Nguyễn Hà Phương	16.02.2005	XNYH K10	6.0	7.0	
25	23Q602100220	Lê Minh Quân	04.12.2005	XNYH K10	5.5	6.5	
26	23Q602100121	Hoàng Thị Thu Quỳnh	27.05.2005	XNYH K10	5.5	8.0	
27	23Q602100221	Trịnh Vũ Hoài Thu	21.11.2005	XNYH K10	7.0	8.5	
28	23Q602100122	Phạm Thu Trang	27.07.2005	XNYH K10	5.5	7.5	
29	23Q602100222	La Đức Trung	14.07.2005	XNYH K10	6.0	5.0	

TRƯỜNG
Y TẾ
MAI
BÁCH

Nam

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN	MÔN THI THỰC HÀNH	Ghi chú
30	23Q602100223	Hoàng Mạnh Tuấn	02.04.2005	XNYH K10	5.0	7.0	
31	23Q602100124	Vũ Văn Tuấn	30.10.2004	XNYH K10	6.5	8.0	
32	23Q602100123	Nguyễn Đăng Tú	05.07.2005	XNYH K10	6.0	7.0	
33	23Q602100125	Trần Thị Thảo Vy	22.12.2005	XNYH K10	5.5	7.0	
IV. NGÀNH KỸ THUẬT VẬT LÝ TRỊ LIỆU VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG							
1	21Q60481620	Phạm Thanh Lâm	27.03.1994	PHCN K10.01	5.5	5.0	
2	23Q604100105	Phan Tự Bách	05.11.2005	PHCN K10.01	8.5	8.5	
3	23Q604100106	Đoàn Linh Chi	14.05.2005	PHCN K10.01	6.0	5.5	
4	23Q604100109	Nguyễn Nam Dương	11.08.2005	PHCN K10.01	7.5	8.0	
5	23Q604100110	Đinh Thị Thanh Hiền	23.05.2005	PHCN K10.01	6.5	7.5	
6	23Q604100113	Phan Huy Hoàng	08.09.2005	PHCN K10.01	7.0	7.0	
7	23Q604100114	Nguyễn Duy Hưng	23.02.2005	PHCN K10.01	6.0	7.0	
8	23Q604100115	Đoàn Thị Thu Hường	22.04.2005	PHCN K10.01	7.0	8.0	
9	23Q604100116	Nguyễn Thế Huy	11.10.2004	PHCN K10.01	7.5	8.0	
10	23Q604100119	Nguyễn Công Long	17.07.2000	PHCN K10.01	6.5	6.0	
11	23Q604100121	Lê Ngọc Mỹ	08.10.2002	PHCN K10.01	7.0	6.5	
12	23Q604100122	Nguyễn Thị Ngọc	05.03.2005	PHCN K10.01	7.5	7.0	
13	23Q604100123	Vũ Linh Phương	19.12.2005	PHCN K10.01	7.5	8.0	
14	23Q604100128	Tiền Thế Việt	10.08.2005	PHCN K10.01	5.5	6.0	
15	23Q604100129	Trần Hoàng Vũ	10.06.2005	PHCN K10.01	6.5	6.0	
16	23Q604100102	Nguyễn David Hoàng Anh	23.05.2005	PHCN K10.02	6.0	6.0	
17	23Q604100103	Nguyễn Lê Tuấn Anh	21.07.2005	PHCN K10.02	6.5	8.0	
18	23Q604100201	Lê Tùng Anh	21.02.2005	PHCN K10.02	6.5	7.0	
19	23Q604100203	Tạ Kiều Anh	22.09.2005	PHCN K10.02	7.0	8.0	
20	23Q604100204	Trần Hải Anh	17.02.2005	PHCN K10.02	8.0	7.0	
21	23Q604100206	Vũ Đức Cường	06.08.2003	PHCN K10.02	7.5	6.0	
22	23Q604100207	Đỗ Văn Đức	22.03.2005	PHCN K10.02	8.0	7.5	
23	23Q604100208	Bùi Bạch Dương	04.10.2005	PHCN K10.02	7.5	8.0	
24	23Q604100209	Nguyễn Quỳnh Giao	02.07.2001	PHCN K10.02	7.0	8.0	
25	23Q604100210	Nguyễn Thị Thanh Hiền	06.11.2003	PHCN K10.02	7.0	7.5	
26	23Q604100213	Nguyễn Anh Hưng	23.11.2005	PHCN K10.02	6.5	8.0	
27	23Q604100214	Nguyễn Tuấn Hưng	11.07.2005	PHCN K10.02	8.0	7.5	
28	23Q604100216	Lê Thu Huyền	16.08.2005	PHCN K10.02	7.0	8.5	
29	23Q604100218	Cung Thảo Linh	28.01.2005	PHCN K10.02	7.5	8.5	
30	23Q604100222	Vũ Thị Quỳnh Nhi	13.11.2005	PHCN K10.02	8.0	8.0	
31	23Q604100223	Nguyễn Phương Thảo	15.03.2005	PHCN K10.02	6.0	7.0	
32	23Q604100224	Lê Xuân Thịnh	16.04.2000	PHCN K10.02	7.0	8.0	
33	23Q604100225	Nguyễn Phạm Minh Thư	02.11.2005	PHCN K10.02	8.0	6.5	

* Lưu ý:

- 1) Đề nghị sinh viên kiểm tra kỹ các thông tin gồm: **họ và tên, ngày tháng năm sinh; điểm thi tốt nghiệp được niêm yết.**
- 2) Nếu phát hiện sai sót hoặc có ý kiến phản hồi, sinh viên gửi về Phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học trước 12h00 thứ Hai, ngày 06/7/2026 để được xem xét, giải quyết.
- 3) Sau thời gian trên, nếu sinh viên không có phản hồi, Nhà trường xem như sinh viên đã kiểm tra và không có ý kiến về thông tin, kết quả điểm thi tốt nghiệp được niêm yết.

Nguồn

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2026

Trưởng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Đào Xuân Cơ